

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga.

2. Ông Thào A Trư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say – Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên
tòa:** Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1982, đăng ký NKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tạm trú: Thôn 4, xã P (trước đây là thôn 4, xã V) huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Thế D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Phố

L, huyện B, tỉnh Lào Cai đến năm 2010 thì chuyển về sinh sống tại tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình hình mâu thuẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, hiện anh D đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã P (trước đây là thôn 4, xã V) huyện Y, tỉnh Yên Bái sống. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế D.

Về con chung: Anh D và chị D có 02 con chung là Nguyễn Thế N, sinh ngày 19/12/2005 và Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 13/7/2012. Con Nguyễn Thế N đang sống cùng anh D, con Nguyễn Khải Đ đang sống cùng chị D. Ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Khải Đ, để anh D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thế N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn, thay đổi yêu cầu về việc nuôi con, đề nghị HĐXX giao cả hai con cho chị được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị D cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị và anh D, bản sao giấy khai sinh của các con, biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết, đơn nguyện vọng của các con.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Thế D trình bày:

Về việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị D đúng như chị D trình bày. Anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D xác nhận anh và chị D có 02 con như chị D đã trình bày, ly hôn anh nhận nuôi con Nguyễn Thế N, để chị D nuôi con Nguyễn Khải Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D được đại diện tổ dân phố 1, thị trấn T cung cấp: Quá trình chung sống hàng xóm không biết anh D, chị D có mâu thuẫn như thế nào, tuy nhiên hiện nay anh D không còn chung sống cùng chị D.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thế D. Giao con Nguyễn Thế N cho anh Nguyễn Thế D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Khải Đ cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Thế D đăng ký nhân khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái nhưng thực tế đã chuyển về sinh sống và tạm trú tại thôn 4, xã P (trước đây là thôn 4, xã V) huyện Y, tỉnh Yên Bái, chị D và anh D đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu nơi chị D là nguyên đơn cư trú là Tòa án giải quyết vụ án và Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Anh Nguyễn Thế D đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D không đến tham gia phiên tòa do vậy Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thế D là vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của LHNGĐ, đây là hôn nhân hợp pháp. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân và cả 2 cùng có nguyện được ly hôn. Trình bày của nguyên đơn và bị đơn cũng phù hợp với xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị D và anh D là vợ chồng nhưng không chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau là đã vi phạm Điều 19 Luật hôn

nhân và gia đình (LHNGĐ). Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 51, điều 56 LHNGĐ xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thế D.

2.2 Về con chung: Anh D và chị D có 02 con chung là Nguyễn Thế N, sinh ngày 19/12/2005 và Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 13/7/2012. Quá trình giải quyết vụ án chị D có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Khải Đ, anh D có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Thế N, cả hai đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng, anh D và chị D đều có khả năng nuôi dưỡng con, con Nguyễn Thế N đang sống cùng anh D, con Nguyễn Khải Đ đang sống cùng chị D, việc thay đổi môi trường sống của các con là không cần thiết vì vậy cần tiếp tục để anh D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thế N, chị D tiếp tục nuôi con Nguyễn Khải Đ là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sống hiện tại của các con. Chấp nhận đề nghị của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, LHNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thế D.

2. Giao con Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 13/7/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thế N, sinh ngày 19/12/2005 cho anh Nguyễn Thế D trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0000288 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tầu, chị D đã nộp đủ.

4. Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thế D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Trạm Tầu (02);
- CCTHADS.H Trạm Tầu;
- UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Nguyễn Thắng